



MARKET LENS

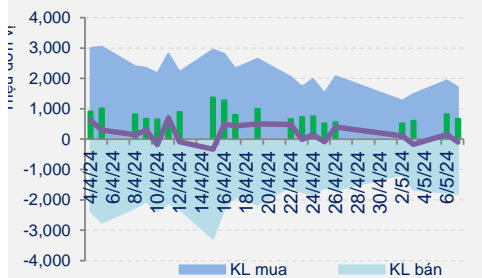
Phiên giao dịch ngày: 7/5/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

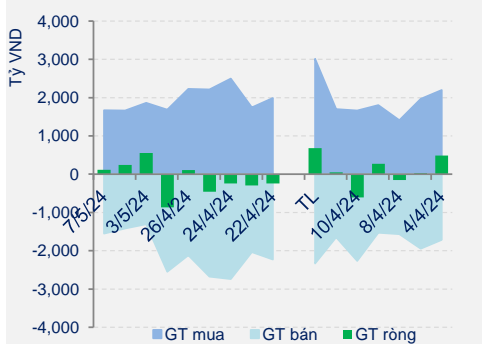
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,248.63	232.96
% Thay đổi	↑ 0.57%	↑ 0.29%
KLGD (CP)	666,327,107	71,658,549
GTGD (tỷ đồng)	18,389.42	1,318.73
Tổng cung (CP)	1,808,488,814	117,588,200
Tổng cầu (CP)	1,714,007,641	112,878,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	46,606,549	1,048,248
KL mua (CP)	43,814,937	2,037,011
GT mua (tỷ đồng)	1,666.62	67.41
GT bán (tỷ đồng)	1,553.91	25.69
GT ròng (tỷ đồng)	112.71	41.72

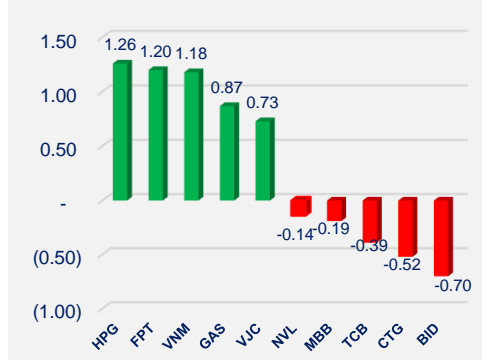
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



VN-INDEX tiếp tục chuỗi phục hồi liên tiếp sau khi giảm mạnh, đầu phiên VN-INDEX tăng điểm lên vùng 1.245 điểm, tương ứng giá cao nhất tháng 08/2023, rung lắc điều chỉnh về vùng 1.240 điểm và tiếp tục tăng điểm tốt trong phiên chiều với thanh khoản tiếp tục cải thiện. Kết phiên VN-INDEX tăng 7,05 điểm (+0,57%) lên mức 1.248,63 điểm, tiệm cận vùng giá cao nhất năm 2023 quanh 1.255 điểm. Đây cũng là kháng cự kỹ thuật mạnh khi nối đường xu hướng giảm giá ngắn hạn các đỉnh giá cao nhất các ngày 29/03/2024 và 15/04/2024. Trong khi đó VN30 tích cực hơn, và đang kiểm tra lại vùng giá cao nhất ngày giảm điểm mạnh 15/04/2024 tương ứng 1.285 điểm -1.288 điểm. HNX-INDEX tăng 0,67 điểm (0,29%) lên mức 232,96 điểm. Độ rộng thị trường trên 02 sàn giao dịch duy trì tích cực với 356 mã tăng (23 mã tăng trần) giảm so với phiên trước, thể hiện mức độ phân hóa hơn khi VN-INDEX đang gặp vùng kháng cự mạnh, 247 mã giảm giá (05 mã giảm sàn) và 142 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết đạt 19.699 tỷ đồng được giao dịch, giảm 13,54% so với phiên trước, dưới mức trung bình. Cho thấy mức độ phục hồi đang phân hóa hơn, nhất là khi VN-INDEX đang gặp vùng kháng cự mạnh quanh 1.250 điểm. Khối ngoại sau giai đoạn bán ròng liên tiếp đang có phiên thứ 3 liên tiếp mua ròng trên HOSE với giá trị 118,57 tỷ đồng, hỗ trợ tốt tâm lý nhà đầu tư, trong đó mua ròng tốt ở nhóm cổ phiếu thép, bán lẻ; mua ròng trên HNX với giá trị 41,72 tỷ đồng.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, 4 tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 238,88 tỷ USD, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 15%; nhập khẩu tăng 15,4%. Trong tháng 4/2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 30,94 tỷ USD, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước. Có 21 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 86,4% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó, có 5 mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 57,8%. Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu, 4 tháng đầu năm 2024, nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 108,27 tỷ USD, chiếm 87,5%.

Tiếp xu hướng phục hồi, nhiều mã/nhóm mã tiếp tục có xu hướng tăng giá tích cực, nổi bật ở nhóm cổ phiếu dệt may khi có rất nhiều mã tăng giá mạnh, đột biến sau thời gian tích lũy, vượt vùng giá đỉnh cũ như VGT (+9,02%), TNG (+6,34%), MSH (+2,22%)... Nhóm cổ phiếu thép cũng có diễn biến tích cực nổi bật trong phiên chiều khi nhiều mã tăng giá tốt, thanh khoản tăng trên mức trung bình với VGS (+3,32%), HPG (+2,90%)...

Nhóm cổ phiếu dầu khí tiếp tục có diễn biến tích cực, nổi bật ở các cổ phiếu vận tải dầu khí, nhiều mã tiếp tục tăng giá vượt vùng đỉnh cũ, thanh khoản khá đột biến như PVP (+6,33%), PLX (+5,45%), PPT (+3,77%), PVB (+2,00%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh như PVC (-0,69%), PSH (-0,43%), PVD (-0,16%)... Các cổ phiếu phân bón tiếp tục tích cực, nhiều mã tăng giá tốt khi kết quả kinh doanh quý I tích cực, thanh khoản gia tăng tốt với DDV (+3,95%), DCM (+1,52%), LAS (+1,49%)...

Nhóm cổ phiếu công nghệ viễn thông sau phiên phân hóa chịu áp lực điều chỉnh, tiếp tục có xu hướng tăng trưởng vượt trội so với thị trường chung, nhiều mã tiếp tục tăng giá tốt, vượt đỉnh cũ với thanh khoản gia tăng như ELC (+4,77%), VGI (+3,92%), CMG (+3,42%), FPT (+2,90%), FOX (+2,47%)... Trong khi đó các cổ phiếu ngân hàng phân hóa kém tích cực hơn, đa số chịu áp lực điều chỉnh nhẹ, thanh khoản dưới mức trung bình với CTG (-1,20%), NAB (-1,18%), IEB (-1,11%), BID (-0,99%)... ngoài PGB (+2,82%), OCB (+1,08%), MSB (+1,07%)...

Trên thị trường phái sinh kỳ hạn VN30F2405 tăng 6 điểm (0,47%), chênh lệch âm gia tăng -8,85 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch giảm 2,28% so với phiên trước. Xu hướng ngắn hạn VN30F2405 đang phục hồi với hỗ trợ gần nhất quanh 1.262 điểm, giá cao nhất năm 2023. Kháng cự mạnh quanh 1.280-1.287 điểm, tương ứng giá cao nhất phiên giảm mạnh ngày 15/04/2024. Các kỳ hạn VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch âm từ -8,35 điểm đến -4,95 điểm so với VN30. Cả 04 kỳ hạn đều chênh lệch âm mở rộng cho thấy các trader đang nghiêng về VN30 sẽ điều chỉnh ngắn hạn, vẫn đang ưu tiên các vị thế các vị thế phòng ngừa rủi ro cho thị trường cơ sở, khi VN30 đang gặp vùng giá trước phiên giảm mạnh ngày 15/04/2024.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Thị trường diễn biến giằng co và đà tăng mạnh dần lên sau 14h, qua đó giúp Vn-Index tăng 7,05 điểm (+0,57%) lên sát vùng kháng cự mạnh, đóng cửa tại 1.248,63 điểm.

Trong ngắn hạn, diễn biến thị trường vẫn đang diễn ra theo kịch bản tích cực sau khi hình thành mô hình hình đáy W như chúng tôi đã nhận định. Hiện tại Vn-Index đang tiến sát tới ngưỡng cản trung hạn quanh vùng 1.250 điểm và những rung lắc, giằng co như trong phiên hôm nay dự báo sẽ tiếp tục diễn ra.

Về góc nhìn trung hạn, Vn-Index đang giao dịch trong kênh tích lũy rộng 1.150 điểm - 1.250 điểm và quá trình tích lũy dự báo có thể kéo dài. Hiện Vn-Index đã tiệm cận với cản trên của kênh tích lũy nên cơ hội giải ngân trung hạn là không rõ ràng.

Thị trường vận động theo kịch bản tích cực và Vn-Index sớm kiểm định ngưỡng cản trung hạn tại vùng 1.250 điểm, nhà đầu tư ngắn hạn nên thận trọng, kiên nhẫn chờ đợi và chúng tôi không khuyến nghị giải ngân ở vùng giá hiện tại bởi Vn-Index rất có thể sẽ có các nhịp rung lắc điều chỉnh. Nhà đầu tư trung - dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục và nên chờ nhịp điều chỉnh nếu muốn giải ngân thêm do mặt bằng giá hiện tại không còn quá hấp dẫn khi Vn-Index đang vận động ở nửa trên của kênh tích lũy.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

7/5/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
IDC	62.00	47-51	66-68	52	10.5	115.2%	370.4%	Theo dõi giải ngân
DPR	39.35	34.5-36.5	43-44	35	16.7	3.8%	-5.2%	Theo dõi giải ngân
CTD	68.7	59-62	78-80	57	36.1	-9.2%	265.9%	Theo dõi giải ngân
FPT	131.3	110-114	134-136	100	24.6	20.6%	20.4%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
27/12/2023	TNH	20.40	18.09	23-24	21	12.8%	Nắm giữ
16/4/2024	LHG	34.10	32	38-39	33	6.6%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	33.55	32.2	37-38	32	4.2%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	16.80	14.2	18-18.5	15.5	18.3%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	39.35	36.8	43-44	38	6.9%	Nắm giữ
24/4/2024	KBC	30.20	28.75	32-33	29	5.0%	Nắm giữ
24/4/2024	FPT	131.30	114.2	134-136	124	15.0%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

Giá vàng nhẫn, vàng SJC đồng loạt tăng mạnh, vàng miếng trong nước lập kỷ lục 87,5 triệu đồng/lượng

Giá vàng miếng trong nước đang cao chưa từng thấy và nói rộng chênh lệch với giá vàng quốc tế, dù NHNN gần đây đã tổ chức đấu thầu bán vàng miếng. Giá vàng miếng trong nước sáng nay (7/ 5) tiếp tục bứt phá, có nơi đạt 87,5 triệu đồng/lượng, cao chưa từng thấy trong lịch sử. Giá vàng miếng SJC bán lẻ đang cao hơn khoảng 16 triệu đồng/ lượng, còn giá vàng nhẫn cao hơn trên 4 triệu đồng/ lượng. Cùng thời điểm trên, giá vàng giao ngay tại thị trường châu Á giảm 1,4 USD/oz so với đóng cửa phiên ngày thứ Hai tại Mỹ, tương đương giảm 0,06%, giao dịch ở mức 2.322,7 USD/ oz - theo dữ liệu từ sàn giao dịch Kitco.

Lãi suất ngân hàng kỳ hạn 3 tháng mới nhất tháng 5/2024

Các ngân hàng tham gia khảo sát đang triển khai khung lãi suất huy động vốn cho kỳ hạn 3 tháng dao động từ 1,9%/năm đến 3,4%/năm, lãi cuối kỳ. Khung lãi suất tiền gửi được khảo sát tại 30 ngân hàng thương mại trong nước đối với kỳ hạn 3 tháng được điều chỉnh 0,1 - 0,3 điểm%. NCB đang triển khai mức lãi suất cao nhất là 3,4%/năm, trong khi Eximbank và OceanBank đang ở chung mức 3,2%/năm. Khách hàng có thể lựa chọn linh hoạt gửi tiết kiệm tại các ngân hàng khác trong bảng khảo sát với lãi suất dao động 1,9 - 3,15%/ năm. VietinBank và BIDV triển khai chung mức 2%/ năm, Agribank và Vietcombank cùng ghi nhận ở mức 1,9% - mức thấp nhất hiện tại, ngang với SCB.

Nghị định mới về kinh doanh xăng dầu: Cần bỏ quỹ bình ổn

Hội nghị lấy ý kiến xây dựng nghị định mới về kinh doanh xăng dầu do Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam (VINPA) tổ chức vào ngày 7/5 đã đề xuất bỏ Quỹ Bình ổn giá xăng dầu để giảm gánh nặng dự trữ cho doanh nghiệp. Ông Trần Ngọc Năm, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex), cho rằng quy định cho phép ký hợp đồng với 3 đại lý là rất rủi ro nên tập đoàn không triển khai quy định này. Ông Năm kiến nghị phải mạnh dạn bỏ Quỹ Bình ổn do thời gian qua có thể thấy doanh nghiệp không được hưởng lợi gì. Ngoài ra, việc tăng dự trữ từ 20 ngày lên 30 ngày cũng là một vấn đề lớn với doanh nghiệp. Ông Năm cũng đề nghị cơ quan soạn thảo xem lại điều khoản này trong dự thảo.

Kinh tế Tp.HCM tiếp tục đà tăng trưởng, thúc đẩy giải ngân đầu tư công

Kinh tế - xã hội TP. HCM đang tăng trưởng tích cực nhưng có dấu hiệu chậm lại và xuất hiện một số biểu hiện khó khăn, cần tìm giải pháp hiệu quả. UBND thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức phiên họp thường kỳ đánh giá về tình hình kinh tế - xã hội tháng 4 đồng thời đề ra nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cho tháng 5. Ông Nguyễn Khắc Hoàng, Cục trưởng Cục Thống kê thành phố Hồ Chí Minh nhận định, so với cả nước, kinh tế TP đang phát triển theo hướng tích cực, duy trì mức phục hồi so với quý I song chưa có bước tiến đủ mạnh. Sản xuất công nghiệp đã tăng hơn 5%, nếu như tính từ sau dịch Covid - 19 đến nay bình quân hàng năm chỉ tăng hơn 2%, điều này cho thấy mức phục hồi còn khá chậm. Trong quý II, các giải pháp đặt ra cần chú trọng động lực tiêu dùng nội địa, vốn đầu tư công, sớm đưa các công trình mới vào hoạt động, tiếp tục đồng hành và tháo gỡ khó khăn cùng doanh nghiệp.

TIN DOANH NGHIỆP**3 dự án điện mặt trời của Gelex đủ điều kiện bán cho Sembcorp**

Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Trị vừa thông báo về việc đáp ứng điều kiện mua lại phần vốn góp của NĐT nước ngoài tại Công ty TNHH Năng lượng Gelex Quảng Trị - pháp nhân chủ đầu tư ba dự án điện gió của Tập đoàn Gelex. Cụ thể, công ty Sembcorp Solar Vietnam - công ty con của Tập đoàn Sembcorp Singapore - sẽ mua lại 100% vốn cổ phần của Gelex Quảng Trị với giá trị vốn góp theo vốn điều lệ là 1.269 tỷ đồng, giá trị giao dịch dự kiến của hợp đồng là 1.459 tỷ đồng. Ba dự án điện gió Gelex 1, 2, 3 do Gelex Quảng Trị làm chủ đầu tư, công suất mỗi dự án là 29,4MW, tổng vốn đầu tư mỗi nhà máy hơn 1.300 tỷ đồng. Các dự án được vận hành từ tháng 10/2021 và thời gian hoạt động là 50 năm.

Tiêu thụ thép của Tập đoàn Hoà Phát (HPG) lên cao nhất hơn 2 năm trở lại đây

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoà Phát (HPG) vừa công bố sản lượng thép thô tháng 4/2024 đạt 738.000 tấn, giảm nhẹ so với tháng trước. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ các sản phẩm phôi thép, thép xây dựng, thép cuộn cán nóng (HRC) tăng tới 16%, đạt 805.000 tấn; trong đó, riêng thép xây dựng, thép chất lượng cao đạt 471.000 tấn, tăng 24% so với tháng trước đó. Đây cũng là sản lượng bán hàng cao nhất của HPG kể từ tháng 3/2022. Tính chung 4 tháng đầu năm nay, sản lượng bán hàng thép xây dựng, thép HRC, phôi thép của Tập đoàn Hoà Phát đạt 2,65 triệu tấn. Trong đó, tập đoàn này đã xuất khẩu 952.000 tấn thép các loại; qua đó, hỗ trợ tích cực vào kết quả kinh doanh chung trong bối cảnh thị trường trong nước chưa thực sự khởi sắc, đồng thời đa dạng hóa kênh bán hàng.

VCG: Chốt chia cổ tức năm 2023 tỷ lệ 12% bằng cổ phiếu

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thông báo phương án chia cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 12%. Lợi nhuận sau thuế trong quý 1/ 2024 tăng đột biến, chủ yếu nhờ việc đẩy mạnh kinh doanh bất động sản. Vinaconex dự kiến phát hành hơn 64 triệu cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 12%, và vốn điều lệ dự kiến sẽ tăng lên mức hơn 5.986 tỷ đồng sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

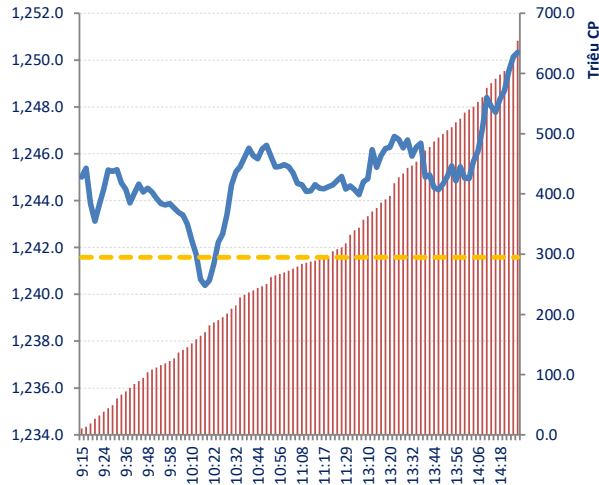
Hoàng Anh Gia Lai (HAG) báo lãi quý thứ 12 liên tiếp, xuất hiện cổ đông mới

Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai (HAG) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý I/ 2024 với doanh thu thuần đạt 1.241 tỷ đồng, giảm 27% so với cùng kỳ năm 2023. Tuy nhiên, doanh thu từ việc bán trái cây tăng mạnh, đạt 885 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ. Sau quý I/ 2024, HAG ghi nhận lợi nhuận ròng là 215 tỷ đồng, giảm 26% so với cùng kỳ. Tổng tài sản của HAG đạt 21.170 tỷ đồng, tăng 1% so với đầu năm. HAG tiếp tục tái cơ cấu nhằm khắc phục tình trạng chứng khoán bị cảnh báo và dự kiến mở rộng diện tích trồng chuối và sầu riêng trong năm 2024. Công ty CP Chứng khoán LPBank (LPBS) vừa hoàn tất việc mua 50 triệu cổ phiếu của HAG, nâng tỷ lệ sở hữu lên 4,73%, và cùng nhóm cổ đông có liên quan trở thành cổ đông lớn của HAG. Tổng số cổ phiếu HAG mà nhóm cổ đông này sở hữu sau giao dịch là 89,6 triệu, tương đương tỷ lệ 8,47%.

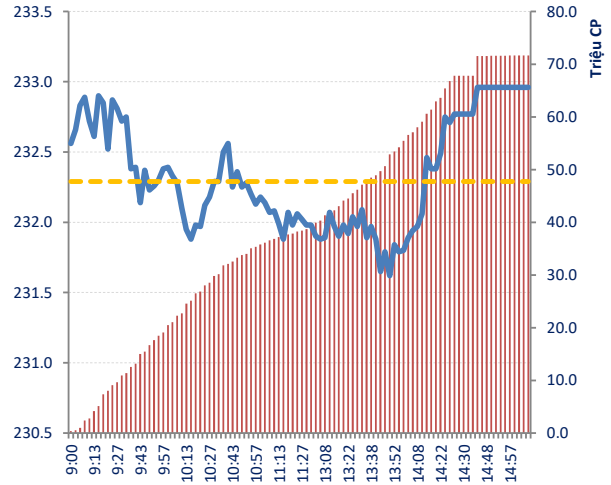


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

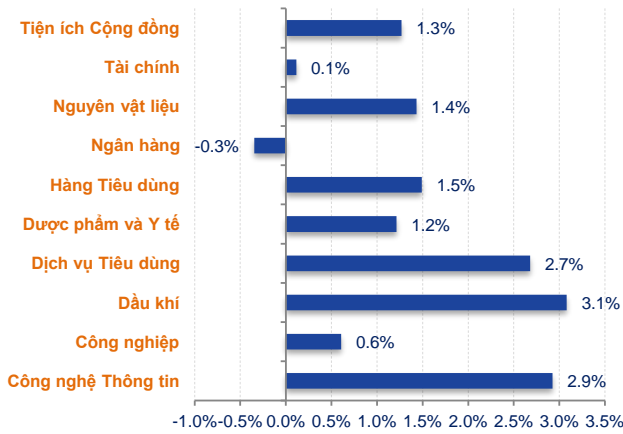
KLGD và VN-Index trong phiên



KLGD và HNX-Index trong phiên



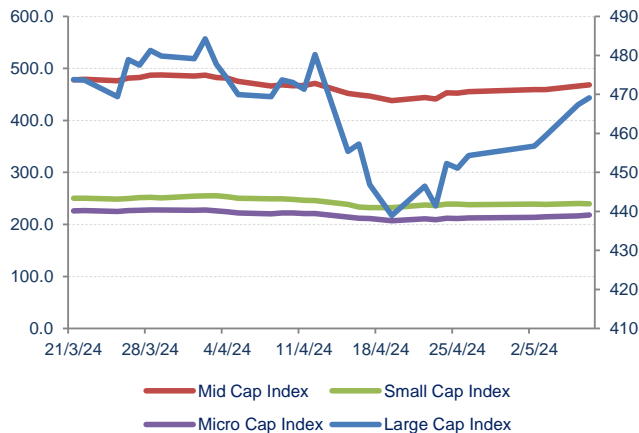
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



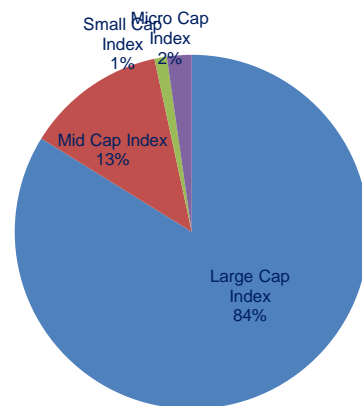
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	7,392,976	FUESSVFL	6,406,700	1	MBS	533,505	SHS	199,949
2	HVN	2,854,118	TCB	2,098,900	2	PVS	395,600	TIG	71,554
3	MWG	2,108,300	HDB	2,086,645	3	IDC	184,275	CEO	68,600
4	VNM	1,717,206	VHM	1,676,175	4	TNG	138,900	L61	47,100
5	GEX	862,593	EVF	1,488,300	5	LAS	60,700	BVS	32,800

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	29.30	30.15	↑ 2.90%	31,399,200	SHS	18.80	18.80	→ 0.00%	13,398,211
NVL	14.90	14.60	↓ -2.01%	30,672,900	AAV	6.30	5.70	↓ -9.52%	5,704,704
LPB	20.30	20.40	↑ 0.49%	30,616,400	CEO	18.80	18.50	↓ -1.60%	4,846,402
SHB	11.75	11.65	↓ -0.85%	22,685,100	PVS	40.60	40.80	↑ 0.49%	3,554,200
GEX	21.30	21.90	↑ 2.82%	18,833,700	VHE	3.50	3.50	→ 0.00%	3,062,084

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SRC	27.15	29.05	1.90	↑ 7.00%	SGH	24.20	26.60	2.40	↑ 9.92%
AST	58.90	63.00	4.10	↑ 6.96%	HMR	18.30	20.10	1.80	↑ 9.84%
LGL	3.17	3.39	0.22	↑ 6.94%	VC6	16.30	17.90	1.60	↑ 9.82%
ST8	8.50	9.09	0.59	↑ 6.94%	VTV	5.10	5.60	0.50	↑ 9.80%
HVX	2.75	2.94	0.19	↑ 6.91%	MST	5.10	5.60	0.50	↑ 9.80%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CMV	9.89	9.23	-0.66	↓ -6.67%	SGD	13.00	11.70	-1.30	↓ -10.00%
FDC	12.30	11.50	-0.80	↓ -6.50%	NHC	31.00	27.90	-3.10	↓ -10.00%
TMP	70.00	66.10	-3.90	↓ -5.57%	CAN	54.10	48.70	-5.40	↓ -9.98%
HID	3.40	3.22	-0.18	↓ -5.29%	DPC	6.20	5.60	-0.60	↓ -9.68%
TN1	13.70	13.00	-0.70	↓ -5.11%	AAV	6.30	5.70	-0.60	↓ -9.52%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	31,399,200	9.2%	1,601	18.3	1.6
NVL	30,672,900	1.4%	315	47.2	0.7
LPB	30,616,400	21.6%	2,914	7.0	1.4
SHB	22,685,100	15.6%	2,152	5.5	0.8
GEX	18,833,700	2.5%	625	34.1	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	13,398,211	5.7%	688	27.3	1.4
AAV	5,704,704	-2.1%	(241)	-	0.6
CEO	4,846,402	2.8%	365	51.6	1.5
PVS	3,554,200	7.1%	1,992	20.4	1.4
VHE	3,062,084	0.6%	63	55.2	0.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SRC	↑ 7.0%	6.6%	1,023	26.6	1.7
AST	↑ 7.0%	21.8%	2,771	21.3	4.3
LGL	↑ 6.9%	2.3%	310	10.2	0.2
ST8	↑ 6.9%	1.4%	144	58.9	0.8
HVX	↑ 6.9%	-22.0%	(2,031)	-	0.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SGH	↑ 9.9%	9.3%	1,408	17.2	1.5
HMR	↑ 9.8%	9.2%	1,214	15.1	1.4
VC6	↑ 9.8%	14.6%	2,266	7.2	1.0
VTV	↑ 9.8%	0.6%	75	67.8	0.4
MST	↑ 9.8%	9.7%	1,112	4.6	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	7,392,976	9.2%	1,601	18.3	1.6
HVN	2,854,118	0.0%	(642)	-	-
MWG	2,108,300	4.4%	717	81.3	3.3
VNM	1,717,206	26.0%	4,410	14.9	3.8
GEX	862,593	2.5%	625	34.1	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MBS	533,505	13.0%	1,475	18.8	2.3
PVS	395,600	7.1%	1,992	20.4	1.4
IDC	184,275	31.7%	5,880	10.5	3.1
TNG	138,900	12.5%	1,981	10.3	1.3
LAS	60,700	12.0%	1,487	13.6	1.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	519,785	20.0%	5,838	15.9	3.0
BID	287,872	18.1%	3,841	13.1	2.2
VHM	179,182	12.1%	5,074	8.1	0.9
CTG	178,284	16.2%	3,751	8.9	1.4
GAS	171,796	16.4%	4,688	16.0	2.5

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	20,295	31.7%	5,880	10.5	3.1
PVS	19,405	7.1%	1,992	20.4	1.4
HUT	15,351	0.7%	97	176.8	1.4
SHS	15,287	5.7%	688	27.3	1.4
THD	13,667	2.5%	395	90.0	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
POM	3.60	-56.3%	(3,468)	-	0.7
PSH	2.75	-9.6%	(1,295)	-	0.4
GEX	2.47	2.5%	625	34.1	0.8
TCD	2.35	1.7%	230	30.8	0.5
FCN	2.24	-0.5%	(111)	-	0.7

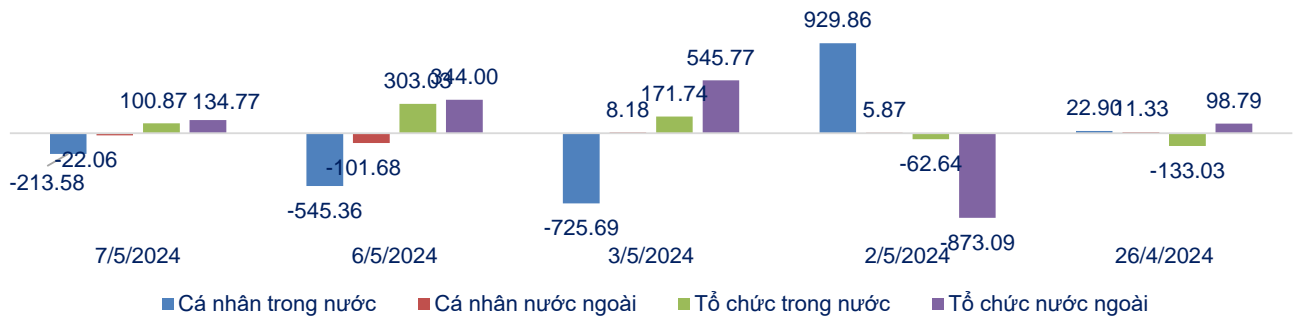
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
MST	2.73	9.7%	1,112	4.6	0.5
AAV	2.58	-2.1%	(241)	-	0.6
VC2	2.40	2.0%	293	28.7	0.6
PLC	2.36	6.9%	1,112	25.9	1.8
CEO	2.34	2.8%	365	51.6	1.5



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
BWE	89.96	14.6%	3,680	12.1	1.7
VHM	79.12	12.1%	5,074	8.1	0.9
TCB	63.97	15.2%	5,606	8.6	1.2
HDB	50.14	24.7%	3,832	6.3	1.4
EIB	43.90	9.0%	1,147	15.7	1.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-236.12	9.2%	1,601	18.3	1.6
MWG	-130.88	4.4%	717	81.3	3.3
HVN	-120.32	0.0%	(642)	-	-
VNM	-105.14	26.0%	4,410	14.9	3.8
GEX	-48.75	2.5%	625	34.1	0.8

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	6.28	26.0%	4,410	14.9	3.8
TCB	5.92	15.2%	5,606	8.6	1.2
HDC	2.64	5.3%	741	38.9	2.0
VIX	2.47	12.8%	1,670	10.5	1.3
KBC	1.74	4.9%	1,274	23.7	1.2

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-8.11	14.9%	2,310	6.1	0.9
HPG	-7.31	9.2%	1,601	18.3	1.6
MBB	-5.21	21.5%	3,866	5.9	1.2
VHC	-3.88	11.3%	4,153	18.2	1.6
VJC	-3.45	4.9%	1,404	80.8	3.8

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUESSVFL	129.33	N/A	N/A	N/A	N/A
HVN	68.53	0.0%	(642)	-	-
VRE	51.33	12.0%	1,966	11.9	1.4
TCB	36.59	15.2%	5,606	8.6	1.2
GEX	30.13	2.5%	625	34.1	0.8

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
BWE	-101.03	14.6%	3,680	12.1	1.7
EIB	-41.33	9.0%	1,147	15.7	1.4
PNJ	-39.74	20.2%	5,949	16.1	3.1
VCB	-28.25	20.0%	5,838	15.9	3.0
FPT	-27.82	22.8%	5,338	23.9	5.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

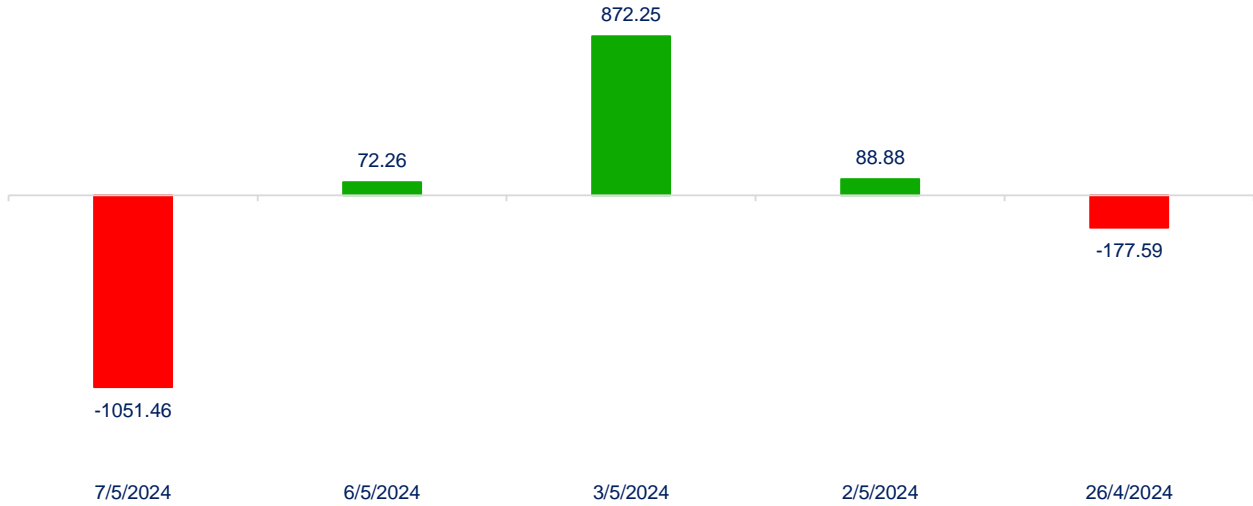
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	227.01	9.2%	1,601	18.3	1.6
MWG	124.91	4.4%	717	81.3	3.3
VNM	109.30	26.0%	4,410	14.9	3.8
HVN	52.00	0.0%	(642)	-	-
MSN	42.64	0.8%	215	330.4	2.3

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

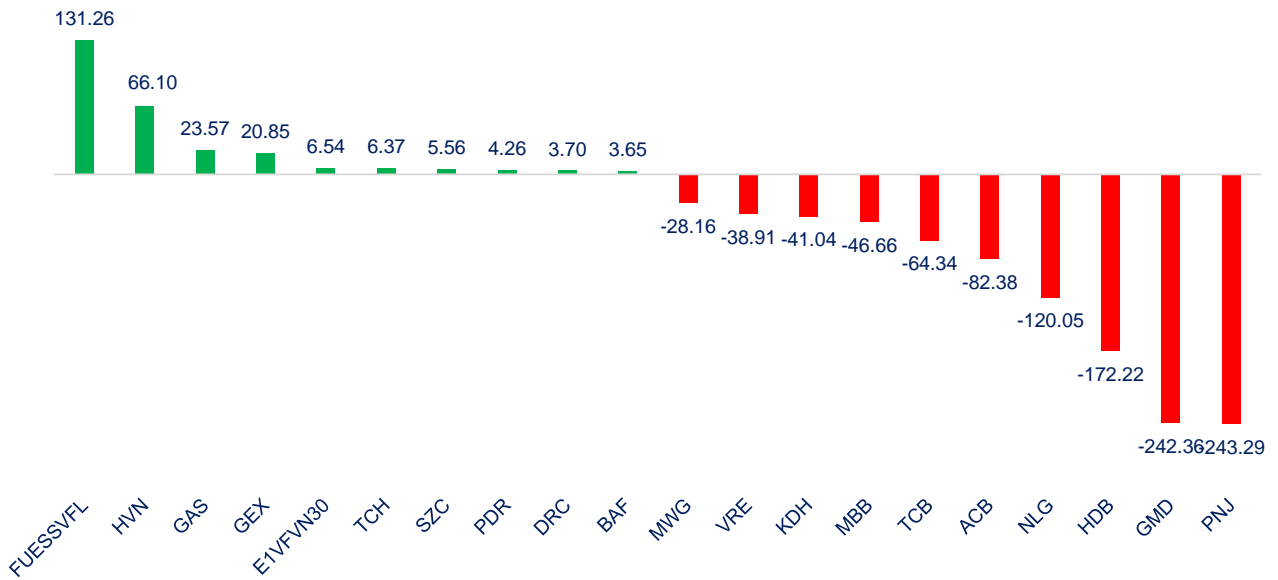
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUESSVFL	-129.55	N/A	N/A	N/A	N/A
TCB	-106.48	15.2%	5,606	8.6	1.2
VHM	-66.61	12.1%	5,074	8.1	0.9
HDB	-51.15	24.7%	3,832	6.3	1.4
GMD	-27.99	26.2%	8,469	9.9	2.5



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn